TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2020/QĐST-HNGĐ	*Thái Thụy, ngày 17 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu xác định cha cho con

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Ông Nguyễn Quốc Doanh

- Thư ký phiên họp*:* Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên họp: Bà Phạm Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 03/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc "Yêu cầu xác định cha cho con" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh Hà Văn T – sinh ngày 26/4/1980; Nơi đăng ký HKTT: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đỗ Thị Th – sinh năm 1951; Nơi đăng ký HKTT: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

2. Ông Hà Văn V – sinh năm 1951; Quê quán: Xóm 8, Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; Nơi ĐKHKTT: Bản K, xã P, huyện T, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Văn L – sinh năm 1959; Nơi đăng ký HKTT: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

4. Anh Hà Văn N – sinh năm 1975; Nơi ĐKHKTT: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 05/10/2020, biên bản lấy lời khai ngày 06/10/2020 người yêu cầu anh Hà Văn T trình bày: Năm 1974 mẹ anh là bà Đỗ Thị Th có kết hôn cùng ông Hà Văn V, sinh năm 1951 tại UBND xã T, huyện T,

tỉnh Thái Bình. Trong quá trình sinh sống ông V và bà Th sinh được 01 người con trai là anh Hà Văn N vào ngày 17/7/1975. Sau đó ông V lên đường nhập ngũ, đến năm 1982 mới xuất ngũ trở về địa phương. Trong suốt quá trình nhập ngũ, ông V không trở về quê lần nào. Trong quá trình ông V đi nhập ngũ, mẹ đẻ anh là bà Đặng Thị Th có quan hệ tình cảm với ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1928, trú tại xóm 8 (tức thôn P), xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình và sinh ra anh. Hiện tại ông V đã mất năm 1998. Do anh không có quan hệ huyết thống với ông V nên từ năm 1982 ông V đã bỏ mẹ anh và lên Sơn La sinh sống cho đến bây giờ. Bản thân ông V cũng có đơn xác nhận anh không phải là con của ông V mà là con của ông Nguyễn Văn V.

Bản thân anh muốn nhận lại huyết thống để nhận họ hàng, tổ tiên theo đúng phong tục, tập quán của người dân Việt Nam. Nay anh làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xác nhận anh là con của ông Nguyễn Văn V.

Tại đơn trình bày ngày 01/6/2020, biên bản lấy lời khai ngày 07/10/2020 và tại phiên họp anh Nguyễn Văn L trình bày: Anh là con đẻ của ông Nguyễn Văn V và bà Hà Thị D, bố mẹ anh sinh được 6 anh em. Anh với anh T là anh em cùng cha khác mẹ, cùng có cha là ông Nguyễn Văn V. Năm 1998 ông V mất tại tổ 11, khu phố T, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước, đến năm 2002 gia đình có đưa hài cốt ông V về nghĩa trang xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Khi còn sống bố anh có nói với các anh chị em là em T là con riêng của ông và bà Đỗ Thị Th. Nay anh Hà Văn T đề nghị Tòa án xác nhận anh là con của ông Nguyễn Văn V thì anh đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật giải quyết xác định anh Hà Văn T là con của bố anh.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/10/2020 và tại phiên họp anh Hà Văn N bày: Anh là con đẻ của bà Đỗ Thị Th và ông Hà Văn V, bố mẹ anh có 1 người con chung là anh. Anh với anh T là anh em cùng mẹ khác cha, cùng có mẹ là bà Đỗ Thị Th. Bà Th có nói với anh là anh T không phải là con chung của bà và ông V mà là con chung của bà với ông Nguyễn Văn V. Nay anh Hà Văn T đề nghị Tòa án xác nhận anh là con của ông Nguyễn Văn V thì anh đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật giải quyết xác định anh Hà Văn T là con của ông Nguyễn Văn V và bà Thược.

Tại đơn trình bày đề ngày 24/8/2020 và đơn đề nghị đề ngày 03/10/2020 bà Đỗ Thị Th trình bày: Bà xác nhận bà và ông Hà Văn V là vợ chồng hợp pháp và có 01 người con chung là anh: Hà Văn N – sinh năm 1975; Nơi ĐKHKTT: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Sau khi sinh được anh N thì ông V đi bộ đội từ năm 1975 đến năm 1982 với xuất ngũ về địa phương. Trong thời gian ông V nhập ngũ thì không trở về địa phương lần nào. Năm 1979 bà có nảy sinh tình cảm và quan hệ với ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1928 địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình

và sinh ra anh Hà Văn T, sinh ngày 26/4/1980. Nay bà xác nhận anh Hà Văn T là con chung giữa bà với ông Nguyễn Văn V và trong thời gian ông Hà Văn V.

Tại đơn trình bày đề ngày 19/6/2020 và đơn đề nghị đề ngày 08/10/2020 ông Hà Văn V trình bày: Năm 1974 ông có kết hôn với bà Đỗ Thị Th tại UBND xã Thái Thịnh. Hai vợ chồng có sinh được 1 người con chung là anh Hà Văn N sinh năm 1975 sau đó ông lên đường nhập ngũ đến tháng 6/1982 với trở về địa phương, kể từ ngày đi lính ông không về lần nào. Khi về bà Th có thừa nhận với ông là bà có quan hệ với ông Nguyễn Văn V và sinh ra anh Hà Văn T, sinh năm 1980. Nay anh Hà Văn T có đơn đề nghị xác nhận anh là con ông Nguyễn Văn V thì ông V đề nghị: ông xác nhận anh Hà Văn T không phải là con ông, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết và lấy mẫu của anh N là con của ông và bà Th để xét nghiệm ADN.

Kết quả xét nghiệm ADN số 374/C09-TT3 ngày 06/11/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: Anh Hà Văn T có quan hệ huyết thống theo dòng cha đối với anh Nguyễn Văn L (anh Lưu là con đẻ ông Nguyễn Văn V); Anh Hà Văn T không có quan hệ huyết thống theo dòng cha đối với anh Hà Văn N (anh N là con đẻ ông Hà Văn V).

Tại biên bản xác minh ngày 27/10/2020 tại UBND xã Thái Thịnh, UBND xã T cung cấp như sau: Anh Hà Văn T sinh năm 1980 có nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Theo tài liệu lưu trữ tại Giấy khai sinh mang tên anh Hà Văn T sinh ngày 26/4/1980 có cha là ông Hà Văn V, sinh năm 1951 và mẹ là Đỗ Thị Th sinh năm 1951. Khi bà Th sinh ra anh Tháp, thực tế phía ông Hà Văn V và gia đình Hà Văn V không nhận anh Hà Văn T là con, cho rằng anh T là con riêng của bà Th nên ông V đã đi lên Sơn La sinh sống. Ông Nguyễn Văn V sinh năm 1928 trú tại xóm 8 (thôn P), xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Ông V đã chết năm 1998 tại huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Năm 2002 gia đình ông V có đưa hà cốt ông V về nghĩa trang xã T, huyện T chôn cất. Trong quá trình sinh sống trước đây ông Nguyễn Văn V là hàng xóm với gia đình ông Hà Văn V, bà Đỗ Thị Th. Gia đình nhà ông V đã làm thủ tục nhận con cháu với anh Hà Văn T trong nội bộ gia đình, khi người nhà ông V chết cũng phát khăn tang cho anh T để tang theo phong tục địa phương. Nay anh Hà Văn T đề nghị Tòa án xác nhận anh là con của ông Nguyễn Văn V thì UBND xã T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên họp: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy trình bày ý kiến xác định: Việc giải quyết việc dân sự của Tòa án đã đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết đề nghị Tòa án: Áp dụng khoản 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm t khoản 2 Điều 39; Điều 361;

Điều 370, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 90, Điều 101, Điều 102 Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Chấp nhận yêu cầu của anh Hà Văn T xác nhận anh Hà Văn T sinh ngày 26/4/1980 là con của ông Nguyễn Văn V. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Hà Văn T hiện đang cư trú tại Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình do vậy Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy thụ lý giải quyết yêu cầu là đúng với thẩm quyền quy định tại khoản 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm t khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà Đỗ Thị Th và ông Hà Văn V đã được tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị xin vắng mặt tại phiên họp nên căn cứ vào khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt bà Thược, ông Vần.

[3] Về yêu cầu của anh Tháp: Căn cứ vào Kết quả xét nghiệm ADN số 374/C09-TT3 ngày 06/11/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ công an. Căn cứ vào lời trình bày của bà Đỗ Thị Th xác nhận bà có quan hệ với ông Nguyễn Văn V và có con chung là anh Hà Văn T, mặt khác ông Hà Văn V cũng xác nhận anh Hà Văn T không phải là con chung giữa ông và bà Đỗ Thị Th. Do vậy yêu cầu xác định anh Hà Văn T là con ông Nguyễn Văn V là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật và cần được chấp nhận.

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Hà Văn T là người yêu cầu nên phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm t khoản 2 Điều 39; Điều 370, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 90, Điều 101, Điều 102 Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Hà Văn T về việc "xác định cha cho con".

2. Xác định ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1928 (chết năm 1998) địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình là cha đẻ của anh Hà Văn T – sinh ngày 26/4/1980; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Hà Văn T phải chịu 300.000đ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được đối trừ với số tiền 300.000đ tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự anh T đã nộp theo biên lai số 0002383 ngày 06/10/2020

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Anh T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Anh T, anh L, anh N có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Bà Th, ông V vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã T;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(đã ký)

Nguyễn Quốc Doanh